TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐĂK HÀ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 53/2020/QĐST- HNGĐ	*Đăk Hà, ngày 05 tháng 6 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ,huyện H, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ,huyện H, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (*bảy*) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Đ và anh Trần Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Đ và anh Trần Văn T tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:*Anh, chị đều xác nhận vợ chồng có ba con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu Trần Thị Thu Th, sinh ngày 24 tháng 5 năm 2017 cho chị Lê Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Trần Lê Thành Ch, sinh ngày 29 tháng 6 năm 2008 và cháu Trần Lê Anh H, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2010 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ch và cháu H đủ 18 tuổi, có khả

năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi mình, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho nhau. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản:* Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3; Điều 5; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Án phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)* là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), các đương sự phải chịu. Chị Lê Thị Đ tự nguyện thỏa thuận chịu toàn bộ số tiền này, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Lê Thị Đ đã nộp theo biên lai số AA/2016/ 0000772 ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, chị Lê Thị Đ được trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện;
- TAND tỉnh ;
- Chi cục THADS huyện;
-UBND TT Đ, H.H, T. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đoàn Thị Kim Anh